TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2024.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Linh, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 và QĐ hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tiểu khu 1, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị Đơn: Ông Trần Huy Đ, sinh năm 1957.

Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng trước khi bị tuyên bố mất tích: Tiểu khu 1, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 13/10/2023, bản tự khai tại Toà án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà Hoàng Thị L và ông Trần Huy Đ kết hôn với nhau từ ngày 20/9/1986, khi kết hôn bà L và ông Đ đã đủ tuổi đăng ký theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, sau khi kết hôn ông Đ ở dể theo phong tục tập quán người dân tộc Thái.

Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận đến năm 1991 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ có quan hệ bất chính với chị dâu vì anh trai ông Đ đã chết, bị phát hiện ông Đ và chị dâu xấu hổ đã bỏ đi từ năm 1992 đến nay không về nhà nữa và bà cũng không có tin tức gì về ông Đ.

Bà Hoàng Thị L đã làm thủ tục yêu cầu TAND huyện Mộc Châu tuyên bố ông Trần Huy Đ mất tích, đã Đ TAND huyện Mộc Châu giải quyết bằng Quyết định số 09A ngày 17/4/2023.

Từ khi có quyết định tuyên bố ông Đ mất tích đến nay cũng không có tin tức gì của ông Trần Huy Đ.

Nay bà Hoàng Thị L yêu cầu:

- Về tình cảm: Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Đ ly hôn với ông Trần Huy Đ.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông Đ có với nhau 02 người con là: Trần Thị Hiền, sinh năm 1987 và Trần Thị Thu, sinh năm 1989, hiện các cháu đã xây dựng gia đình và đã có cuộc sống riêng.

- Về vay nợ chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Tài sản riêng của bà Hoàng Thị L có 01 mảnh đất tại tiểu khu 1, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, nguồn gốc đất mà có là sau khi ông Trần Huy Đ bỏ đi bà L cùng anh em của bà L khai hoang có Đ, hiện đã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa R 260508 vào sổ cấp GCN số 00477- QSDĐ/số 579/QSDĐ do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000 mang tên Hoàng Thị L.

Về án phí: Do tuổi cao, sức yếu bà L có đơn xin miễn án phí.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán thụ lý vụ án, đã xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Hội đồng xét xử và thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự, người tham gia tố tụng nguyên đơn bà Hoàng Thị L đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Bị đơn ông Trần Huy Đ đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là có căn cứ pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị HĐXX.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 68, khoản 1, 2 Điều 105; Điều 205; Điều 206 Bộ luật Dân sự

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 56; khoản 4 Điều 59; Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho bà Hoàng Thị L Đ ly hôn với ông Trần Huy Đ.

2. Về con chung: Do các cháu Trần Thị Hiền, sinh năm 1987 và Trần Thị Thu, sinh năm 1989, hiện các cháu đã đủ 18 tuổi và đã xây dựng gia đình và đã có cuộc sống riêng, nên không đề cập việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về tài sản riêng: Bà Hoàng Thị L được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích đất thửa số 78, 78, tờ bản đồ số 54 có diện tích 1167,2m^2 và thửa đất số 94, tờ bản đồ số 54 có diện tích 2581,3m^2, đất đã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 260508 vào sổ cấp GCN số 00477- QSDĐ/số 579/QSDĐ do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000 mang tên Hoàng Thị L.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã Đ xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, do ông Trần Huy Đ đã bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tuyên bố mất tích vào ngày 17 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định số 09A tuyên bố ông Trần Huy Đ, sinh năm 1957, mất tích.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị L và ông Trần Huy Đ.

Bà Hoàng Thị L và ông Trần Huy Đ kết hôn với nhau từ ngày 20/9/1986, khi kết hôn bà L và ông Đ đã đủ tuổi đăng ký theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Nên hôn nhân Đ pháp luật bảo vệ.

Xét việc bà Hoàng Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Đ ly hôn với ông Trần Huy Đ.

Thấy rằng quá trình chung sống đến năm 1991 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ có quan hệ bất chính với chị dâu của ông Đ vì anh trai ông Đ đã chết, khi bị phát hiện ra mối quan hệ giữa ông Đ và chị dâu nên ông Đ và chị dâu xấu hổ bỏ đi từ năm 1992 đến nay không về nhà nữa và không có tin tức gì. Bà L đã làm thủ tục tìm kiếm nhưng không có kết quả dẫn tới bà Hoàng Thị L phải làm thủ tục yêu cầu TAND huyện Mộc Châu tuyên bố ông Trần Huy Đ mất tích, đã Đ TAND huyện Mộc Châu giải quyết bằng Quyết định số 09A ngày 17/4/2023, đến nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Đ ly hôn với ông Đ, xét là có căn cứ cần chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống với nhau bà Hoàng Thị L và ông Trần Huy Đ Trần Thị H, sinh năm 1987 và Trần Thị T, sinh năm 1989, hiện các cháu đã đủ 18 tuổi và đã xây dựng gia đình và đã có cuộc sống riêng, nên không đề cập việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

[3] Về tài sản chung theo lời khai của bà Hoàng Thị L: Không có.

[4] Về vay nợ chung theo lời khai của bà Hoàng Thị L: Không có.

[5] Về tài sản riêng theo lời khai của bà Hoàng Thị L:

Để có căn cứ xem xét giao cho bà Hoàng Thị L được quyền sử dụng diện tích đất như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 23/11/2023 Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét thẩm định tài sản, kết quả như sau.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Hoàng Thị L có các thửa đất 78,78, 94, 11, 26 trong đó đã chuyển nhượng 02 thửa là 11 và 26 tờ bản đồ số 56, chỉ còn lại 03 thửa gồm thửa 78,78, 94 tờ bản đồ số 54.

Về đất: 01 thửa đất tại Tiểu khu 1 (Nay là bản 19/8), xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Thửa đất đã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 260508, số vào sổ cấp GCN số 00477 QSDĐ theo Quyết định số 597/QĐ-UB ngày 24 tháng 10 năm 2000 của UBND huyện Mộc Châu cấp, mang tên Hoàng Thị L.

Đối với phần diện tích tại thửa số 78, 78, tờ bản đồ 54 có diện tích 1167,2m^2 có vị trí tiếp giáp:

+ Phía Bắc từ A29 đến A3 có kích thước 19,56m giáp đất nhà Thái;
+ Phía Nam từ A16 đến B1 có kích thước 26,53m giáp đất nhà Côi;
+ Phía Đông A3 đến A16 có kích thước 97,87m giáp đất nhà Côi;
+ Phía Tây B1 đến A29 có kích thước 66,02m giáp suối.

Đối với phần diện tích tại thửa 94, tờ bản đồ 54 có diện tích 2581,3m^2 vị trí tiếp giáp:

+ Phía Bắc từ A24 đến A7 có kích thước 85,0m giáp đất nhà Tín và đất nhà Bình Hương.

+ Phía Nam từ A15 đến A20 có kích thước 77,68m giáp đất nhà Dương Thức;

+ Phía Đông từ A7 đến A15 có kích thước 33,8 m giáp đường;

+ Phía Tây từ A20 đến A24 có kích thước 29,98m giáp đất nhà Thái.

Tổng diện tích hiện thẩm định hiện trạng sử dụng là 3,748,5m2.

Xét về việc bà L khai diện tích đất trên là tài sản riêng của bà thấy rằng, sau khi kết hôn ông Đ đi ở dể theo phong tục tập quán người dân tộc Thái, từ năm 1992 ông Đ bỏ đi cho đến nay, bà L đã tự làm khai phá Đ số diện tích đất hoang, đến năm 2000 mới Đ Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà, nên Đ xác định đây là tài sản riêng của bà L. Cần giao cho bà Hoàng Thị L Đ quyền quản lý, sử dụng, định đoạt.

Về án phí: Tại phiên Tòa bà Hoàng Thị L có đơn xin Đ miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị L.

Về chi phí Tố tụng: Bà Hoàng Thị L phải chịu chi phí xem xét thẩm định theo quy định của pháp luật, phần này bà L đã thực hiện thanh toán xong không có yêu cầu gì nên không đề cập việc giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 68, khoản 1, 2 Điều 105; Điều 205; Điều 206 Bộ luật Dân sự

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 56; khoản 4 Điều 59; Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Trần Huy Đ.

2. Về con chung: Do các cháu Trần Thị H, sinh năm 1987 và Trần Thị T, sinh năm 1989, hiện các cháu đã đủ 18 tuổi và đã xây dựng gia đình và đã có cuộc sống riêng, nên không đề cập việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về tài sản riêng: Bà Hoàng Thị L được quyền sử dụng, định đoạt diện tích đất thửa số 78, 78, tờ bản đồ số 54 có diện tích 1167,2m^2 và thửa đất số 94, tờ bản đồ số 54 có diện tích 2581,3m^2, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 260508, vào sổ cấp GCN số 00477- QSDĐ/số 579/QSDĐ do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000 mang tên Hoàng Thị L.

Diện tích đất có tứ cận như sau:

Đối với phần diện tích tại thửa số 78, 78, tờ bản đồ 54 có diện tích 1167,2m^2 có vị trí tiếp giáp:

+ Phía Bắc từ A29 đến A3 có kích thước 19,56m giáp đất nhà Thái;

+ Phía Nam từ A16 đến B1 có kích thước 26,53m giáp đất nhà Côi;

+ Phía Đông A3 đến A16 có kích thước 97,87m giáp đất nhà Côi;

+ Phía Tây B1 đến A29 có kích thước 66,02m giáp suối.

Đối với phần diện tích tại thửa 94, tờ bản đồ 54 có diện tích 2581,3m^2 vị trí tiếp giáp:

+ Phía Bắc từ A24 đến A7 có kích thước 85,0m giáp đất nhà Tín và đất nhà Bình Hương.

+ Phía Nam từ A15 đến A20 có kích thước 77,68m giáp đất nhà Dương Thức;

+ Phía Đông từ A7 đến A15 có kích thước 33,8 m giáp đường;

+ Phía Tây từ A20 đến A24 có kích thước 29,98m giáp đất nhà Thái.

Có sơ đồ kèm theo.

6. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị L.

7. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Chi cục thi hành án DS Mộc Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Mường Sang, huyện Mộc Châu.
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

Thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Mộc Châu, ngày 16 tháng 01 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và bà Lò Thị Minh.

Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi … giờ … phút ngày 16/01/2023, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: xin ly hôn giữa.

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tiểu khu 1, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Bị Đơn: Ông Trần Huy Đ, sinh năm 1957.

Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng trước khi bị tuyên bố mất tích: Tiểu khu 1, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã Đ thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà. HĐXX thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và biểu quyết, quyết định các nội dung cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 68, khoản 1, 2 Điều 105; Điều 205; Điều 206 Bộ luật Dân sự

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 56; khoản 4 Điều 59; Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 68, khoản 1, 2 Điều 105; Điều 205; Điều 206 Bộ luật Dân sự

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho bà Hoàng Thị L Đ ly hôn với ông Trần Huy Đ.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

2. Về con chung: Do các cháu Trần Thị Hiền, sinh năm 1987 và Trần Thị Thu, sinh năm 1989, hiện các cháu đã đủ 18 tuổi và đã xây dựng gia đình và đã có cuộc sống riêng, nên không đề cập việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

3. Về tài sản chung: Không có.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

4. Về nợ chung: Không có.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

5. Về tài sản riêng: Bà Hoàng Thị L Đ quyền sử dụng, định đoạt diện tích đất thửa số 78, 78, tờ bản đồ số 54 có diện tích 1167,2m^2 và thửa đất số 94, tờ bản đồ số 54 có diện tích 2581,3m^2, đất đã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất só bìa R 260508, vào sổ số 00477- QSDĐ/số 579/QSDĐ do UBND huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000 mang tên Hoàng Thị L.

Diện tích đất có tứ cận như sau:

Đối với phần diện tích tại thửa số 78, 78, tờ bản đồ 54 có diện tích 1167,2m^2 có vị trí tiếp giáp:

+ Phía Bắc từ A29 đến A3 có kích thước 19,56m giáp đất nhà Thái;

+ Phía Nam từ A16 đến B1 có kích thước 26,53m giáp đất nhà Côi;

+ Phía Đông A3 đến A16 có kích thước 97,87m giáp đất nhà Côi;

+ Phía Tây B1 đến A29 có kích thước 66,02m giáp suối.

Đối với phần diện tích tại thửa 94, tờ bản đồ 54 có diện tích 2581,3m^2 vị trí tiếp giáp:

+ Phía Bắc từ A24 đến A7 có kích thước 85,0m giáp đất nhà Tín và đất nhà Bình Hương.

+ Phía Nam từ A15 đến A20 có kích thước 77,68m giáp đất nhà Dương Thức;

+ Phía Đông từ A7 đến A15 có kích thước 33,8 m giáp đường;

+ Phía Tây từ A20 đến A24 có kích thước 29,98m giáp đất nhà Thái.

Có sơ đồ kèm theo.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

6. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị L.

7. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn biết Đ quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Đ quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc bản án Đ niêm yết.

Biên bản nghị án lập xong hồi…….giờ…….. cùng ngày đã thông qua cho các thành viên HĐXX nghe lại nhất trí lý tên.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

Thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Biểu quyết toàn diện vụ án trước khi ra tuyên án.

Thành viên Hội đồng xé xử Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa